

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy  
*Ngành/Chuyên ngành: Kế toán*

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:
  - + Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành 1
  - + Tiếng Anh: English for Specific purposes 1
- Mã học phần: DTA.20.40
- Đối tượng học: Sinh viên khối ngành không chuyên Tiếng Anh
- Số tín chỉ: 4
- Vị trí của học phần trong CTĐT:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/ khoá luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 04 tín chỉ/200 tiết

Hoạt động trên lớp		Hoạt động khác (tự học, làm bài tập, nghiên cứu, trải nghiệm, ...)
Lí thuyết (LT)	Bài tập, Kiểm tra (BT, KT)	
35	25 (22 tiết BT, 03 tiết KT)	<b>140 giờ</b>
<b>60 giờ chuẩn</b> Bao gồm: 60 tiết trực tiếp		

*(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, Bài tập, Kiểm tra hoặc 2 tiết Thực hành, Thảo luận trên lớp)*

- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành
- Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
  - (1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phương  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299; Email: [phamhongphuong@fbu.edu.vn](mailto:phamhongphuong@fbu.edu.vn)
  - (2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai  
Chức danh: Giảng viên.  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354; Email: [nguyenthihongmai@fbu.edu.vn](mailto:nguyenthihongmai@fbu.edu.vn)
  - (3) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Mai  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0904371939; Email: [nguyenthimai@fbu.edu.vn](mailto:nguyenthimai@fbu.edu.vn)

**2. Mô tả học phần:**

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 là khối lượng kiến thức của 06 bài đầu (Unit 1 –

Unit 6) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ vựng và thật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp, trả lời khiếu nại từ khách hàng...

### 3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần
CSO 1.1	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Tài chính gồm:</p> <p>(1) Từ vựng và thuật ngữ chuyên môn đa dạng ở nhiều lĩnh vực: tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm...</p> <p>(2) Hiểu biết cơ bản về các kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp...</p> <p>(3) Các mẫu câu cơ bản sử dụng khi đi phỏng vấn xin việc, khi thuyết trình hay trả lời khiếu nại từ khách hàng...</p>
CSO 2.1	<p>(1) Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe để lấy thông tin cụ thể nhằm hoàn thành các dạng bài Đúng – Sai; Điền vào chỗ trống; Trả lời câu hỏi ngắn...</p> <p>(2) Củng cố kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, đọc lấy ý chính, đọc tìm thông tin cụ thể.</p> <p>(3) Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, đưa ra quan điểm cá nhân.</p> <p>(4) Củng cố kỹ năng viết trong một số tình huống thực tiễn như trả lời khiếu nại từ khách hàng, gửi thông tin qua email cho đồng nghiệp, viết báo cáo đơn giản...</p>
CSO 3.1	<p>Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng Tiếng anh chuyên ngành cho công việc trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đó chủ động trau dồi thêm kiến thức và tăng cường sử dụng Tiếng anh nhiều hơn ngoài giờ học chính khóa.</p>

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT	Mức độ đóng góp cho CTĐT
<b>CĐR về kiến thức:</b>				
PSO 1.1	CLO 1.1	Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến ngành Tài chính, nhằm tác nghiệp trong lĩnh chuyên môn.	PLO 1.2 PLO 3.2	2 3
<b>CĐR về kỹ năng:</b>				
PSO 2.1	CLO 2.1	Có khả năng nghe hiểu – đọc hiểu thông tin cơ bản từ	PLO 2.1	2

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT	Mức độ đóng góp cho CTĐT
<b>CĐR về kiến thức:</b>				
		các nguồn tin về ngành Tài chính bằng tiếng Anh.		
	CLO 2.2	Có khả năng trao đổi và viết về các vấn đề cơ bản liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh.	PLO 3.2	3
<b>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</b>				
PSO 3.1	CLO 3.1	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong các hoạt động tại lớp, tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.	PLO 2.3 PLO 3.2	3 2

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu)

2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

## 5. Học liệu<sup>[15]</sup>

### 5.1. Tài liệu chính:

- *Finance 1* (Unit 1 – 6); Richard Clark & David Baker; Oxford University Press, 2011  
**5.2. Tài liệu tham khảo**

- Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 4 (English 4 Self-study); Khoa Ngoại ngữ biên soạn, 2019.
- *Test your business vocabulary in use Intermediate*; Tricia Aspinall & George Bethell; Cambridge, 2003
- *Target TOEIC* (Second edition); Anne Taylor; Compass Publishing, 2006

## 6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	□	Công trình nghiên cứu	□	Dự án/Đề án
□	Phát vấn	□	Thuyết giảng	x	Tình huống	□	Tham quan thực tế
x	Giao tiếp	□	Phương pháp khác	x	Hướng dẫn tự học	x	Theo nhiệm vụ

## 7. Nội dung chi tiết học phần

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
Buổi 1	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 4 đến trang 6)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT

	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Tự học</b>	<b>CLO</b>	<b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>
					Workbook và tài liệu tự học
Buổi 2	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 7 đến trang 9)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 3	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 10 đến trang 11)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 4	Bài 2: Personal finance (Từ trang 12 đến trang 14)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 5	Bài 2: Personal finance (Từ trang 15 đến trang 17)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 6	Bài 2: Personal finance (Từ trang 18 đến trang 19) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 1	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	7	CLO1.1 CLO2.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 7	Bài 3: Personal finance (Từ trang 20 đến trang 22)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 8	Bài 3: Personal finance (Từ trang 23 đến trang 25)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 9	Bài 3: Personal finance (Từ trang 26 đến trang 27)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 10	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 28 đến trang 30)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 11	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 31 đến trang 33)	2 lý thuyết 1 bài tập	8	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi	Bài 4: Economic	1 lý thuyết	7	CLO1.1	- SV đọc trước giáo

	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Tự học</b>	<b>CLO</b>	<b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>
12	indicators (Từ trang 34 đến trang 35) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 2	1 bài tập 1 kiểm tra		CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 13	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 36 đến trang 38)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 14	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 39 đến trang 41)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 15	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 42 đến trang 43)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 16	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 44 đến trang 45)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 17	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 46 đến trang 47)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 18	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 48 đến trang 49) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 3	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 19	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 50 đến trang 51)	2 lý thuyết 1 bài tập	7	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 20	Ôn tập thi hết học phần	3 bài tập		CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	SV ôn tập, GV chữa bài

### 8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
  - + Đọc tài liệu và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;

- + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

### 9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

### 9.2. Phương thức đánh giá

- 1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)
- 2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hoàn thành bài thi trên giấy dạng trắc nghiệm và tự luận.

### 9.3. Các hình thức đánh giá

- a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)
- b) Đánh giá định kỳ (03 bài kiểm tra 45 phút dạng trắc nghiệm và tự luận)

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Nghe: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc điền thông tin vào bảng ghi chú, tóm tắt, v.v.	10	2
2	Từ vựng chuyên ngành: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D hoặc chọn từ các từ cho sẵn điền vào chỗ trống	10	2
3	Đọc hiểu: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc lựa chọn câu đúng/sai	10	3
4	Viết thư hồi đáp khiếu nại từ khách hàng hoặc viết câu hồi đáp cho các tình huống cho sẵn.	1 thư hoặc 5 câu	3

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,3 điểm; tổng: 3 điểm

Phần 4: Viết thư hoặc viết câu (mỗi câu đúng 0,5 điểm): 3 điểm

- c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần theo bài thi giấy dạng tự luận thời gian 60 phút.

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Chọn trong số 10 từ chuyên ngành cho sẵn để hoàn thành đoạn văn	10	2
2	Đọc hiểu và lựa chọn câu Đúng hoặc Sai	5	2
3	Nối từ chuyên ngành với định nghĩa tương ứng	10	2
4	Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc có trong đoạn văn.	10	2
5	Viết hồi đáp cho các tình huống cụ thể	10	2

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 4: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 5: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

### 9.4. Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần	Trọng số	Hình thức đánh giá	Công cụ	CLO	Trọng số CLO
------------	----------	--------------------	---------	-----	--------------

đánh giá	(%)		đánh giá		(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 1	30	Trắc nghiệm và tự luận	Theo thang điểm trong bài thi	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 2		Trắc nghiệm và tự luận	Theo thang điểm trong bài thi	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 3		Trắc nghiệm và tự luận	Theo thang điểm trong bài thi	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
Bài thi 60 phút kết thúc học phần	60	Tự luận	Theo thang điểm trong bài thi	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	40% 40% 20%

### 9.5. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

#### Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương





ThS. Nguyễn Thị Định

ThS. Nguyễn Thị Định

ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai

